(Theo mẫu tại phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH
NĂM 2023

Hải Phòng, tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH (GIC)
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH (GIC)
DN: C=VN, L=HẢI PHÒNG, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH (GIC), OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0201768923, E=TUANHUONG@GMAIL.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.03.04 09:29:38+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 12.0.1

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

– Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201768923

– Vốn điều lệ: 121.200.000.000 đồng

– Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 121.200.000.000 đồng

– Địa chỉ: Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng

– Số điện thoại: 0225.2838666 – Số fax: 0225.2838689

– Website: www.greenicd.com.vn

– Mã cổ phiếu: GIC

– Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được thành lập ngày 24/01/2017 với vốn điều lệ 101.000.000.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Container Việt Nam góp vốn 67.000.000.000 đồng, tương đương với 66,3% vốn điều lệ, còn lại là một số cổ đông cá nhân.

Công ty được hình thành và phát triển với sự kế thừa về nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm và mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm từ công ty TNHH MTV Bến Xanh (công ty 100% vốn của CTCP Container Việt Nam - Viconship) với lĩnh vực cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa, vệ sinh container... Với khách hàng hãng tàu truyền thống và đội ngũ CBNV với kinh nghiệm quản lý, khai thác kho bãi lâu năm, ngay khi dự án xây dựng bãi container của công ty hoàn thành từng phần hạng mục và đi vào hoạt động từ tháng 7/2017, công ty đã nhanh chóng cung cấp dịch vụ cho khách hàng truyền thống, liên tục tăng trưởng doanh thu và có lợi nhuận ngày từ năm tài chính đầu tiên. Công ty không ngừng đầu tư trang thiết bị chuyên dùng hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại Việt Nam và khu vực...

Năm 2018, để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 121.200.000.000 đồng

Ngày 06/04/2020 Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2268/UBCK-GSĐC về việc đăng ký đại chúng của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

Ngày 26/06/2020 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 43/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 12.120.000 cổ phần.

Ngày 22/10/2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Quyết định Niêm yết số 577/QĐ–SGDHN cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát

triển Xanh niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 06/11/2020 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán GIC.

– Các sự kiện khác:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi bổ sung lần thứ 03 vào ngày 01 tháng 12 năm 2020 với mã số doanh nghiệp: 0201768923.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh:

+ Khai thác bãi

+ Sửa chữa container

– Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chính tại Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc.

– Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

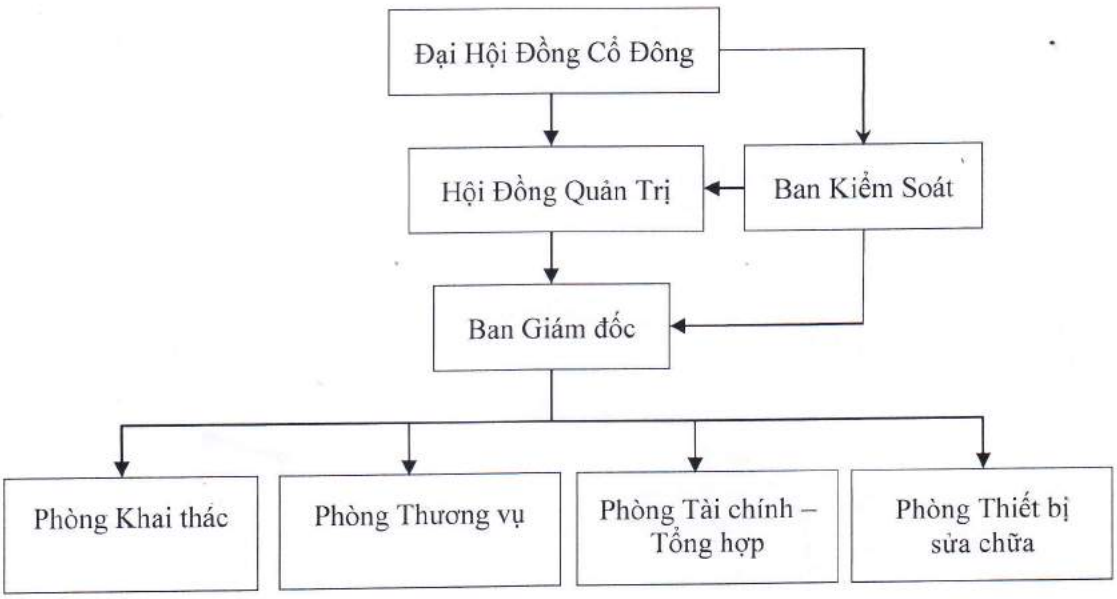

4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách

hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phấn đấu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.

– Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng luôn song hành và gắn liền với hệ thống quản lý, văn hóa của Công ty.

5. Các rủi ro:

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Thị trường vận tải biển không ổn định, các hãng tàu lớn kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2023 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo và chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đạt được những kết quả rất khả quan trong sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu đạt 172,27 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 18,59 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.372 đồng.

Hoạt động khai thác bãi vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ
Doanh thu	172,27	160	107,67%	172,27	168,33	102,34%
Lợi nhuận trước thuế	18,59	15	123,93%	18,59	18,48	100,60%

Doanh thu đạt 172,27 tỷ đồng, tăng 7,67% so với kế hoạch năm 2023 ĐHĐCĐ giao và bằng 102,34% so với thực hiện năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế đạt 18,59 tỷ đồng, tăng 23,93% so với kế hoạch năm 2023 ĐHĐCĐ giao và bằng 100,60% so với thực hiện năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	0,1% Vốn điều lệ
Bà Vũ Trà My	Kế toán trưởng	0% Vốn điều lệ

Tóm tắt lý lịch:

Ông Đồng Trung Hải – Giám đốc

Ngày sinh: 28/12/1977 Nơi sinh: Hải Phòng

Số CCCD: 031077008290 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Vũ Đoài, Vũ Thư, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 12 Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh.

Bà Vũ Trà My – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 05/12/1983 Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 031183001555 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 7/31/96 Chợ Hàng, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị tài chính kế toán

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh.

– Những thay đổi trong Ban điều hành:

Nghị Quyết số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 15/02/2023 đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Minh Lan, bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với bà Vũ Trà My từ ngày 15/02/2023.

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty là: 131 người.

Tại ngày 31/12/2023, tổng số lao động của Công ty là: 127 người.

Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tổng đầu tư năm 2023 là 0 đồng

Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	255.476.561.602	267.426.930.007	4,68%
Doanh thu thuần	168.327.880.456	172.273.666.111	2,34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.182.453.388	18.653.800.034	
Lợi nhuận khác	298.379.860	- 61.117.236	-120,48%
Lợi nhuận trước thuế	18.480.833.248	18.592.682.798	0,61%
Lợi nhuận sau thuế	16.648.390.838	16.631.178.656	-0,10%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	12%	20%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4.95	2.46	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	4.74	2.34	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	0.06	0.09	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	0.06	0.09	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	33.45	33.17	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	0.66	0.64	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0.09	0.09	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.07	0.07	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0.06	0.06	

+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.11	0.11	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 12.120.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 12.120.000 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 12.120.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	**Tổ chức**	**68,47**	**8.298.500**
	Trong đó:		
	Tổ chức nước ngoài	2,13	258.500
	Tổ chức Việt Nam	66,34	8.040.000
	Cá nhân	**31,53**	**3.821.500**
	Trong đó:		
	Cá nhân nước ngoài	5,06	613.200
	Cá nhân Việt Nam	26,47	3.208.300
2	**Trong nước**	**92,81**	**11.248.300**
	Trong đó:		
	Tổ chức trong nước	66,34	8.040.000
	Cá nhân trong nước	26,47	3.208.300
	Nước ngoài	**7,19**	**871.700**
	Trong đó:		
	Tổ chức nước ngoài	2,13	258.500
	Cá nhân nước ngoài	5,06	613.200
3	**Phân loại khác**		
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	66,34	8.040.000
	Cổ đông Nhà nước	0	0
	Cổ phiếu quỹ	0	0

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 0 cổ phiếu

e. Các chứng khoán khác: không.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi nên ước tính tổng lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp đạt mức độ thấp.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty luôn áp dụng các công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Ngành nghề chính của Công ty là khai thác kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hàng hải, nên nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là điện năng, dầu diesel, dầu mỡ phụ và các vật tư phụ tùng khác. Nguyên vật liệu năm 2023 là: 27,82 tỷ đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tương đương: rất ít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước tiêu thụ chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng, vệ sinh bãi, container. Lượng nước sử dụng năm 2023 tương đương: 1,76 tỷ đồng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 131 người. Thu nhập bình quân: 19,32 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ … Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2023 Công ty đã thực hiện tốt việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công ty luôn tích cực, chi nhiều tỷ đồng trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, ủng hộ đồng bào bão lụt…

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2023 là năm có nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt. Các mảng dịch vụ chính của Công ty có khó khăn. Kinh doanh khai thác cảng/ kho/ bãi/ vận tải container đường bộ cung vượt cầu quá lớn…song Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ - nhịp nhàng cả về công tác làm thị trường trong điều kiện "bình thường mới". Nhìn chung tổng quan kết quả đạt được năm 2023 là sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo; tập thể người lao động vì một mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững của Công ty.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước, Pháp luật về tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu/chi của Công ty và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ.

Công tác làm thị trường được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm. Chiến lược làm thị trường trong toàn Công ty được nâng tầm thêm bên cạnh việc "giữ vững khách hàng hiện tại và mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty" đó là "mang thêm các dịch vụ giá trị gia tăng cho Khách hàng – VAS". Mở rộng tiếp thị sâu rộng đến đối tượng Khách hàng của các Khách hàng. Tiếp tục theo đuổi mục tiêu ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0. Đây là điểm mới về tiếp thị và làm thị trường của Ban lãnh đạo Công ty. Công ty tiếp tục kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

Người lao động được đảm bảo việc làm; thu nhập ổn định. Công tác an sinh xã hội; trách nhiệm với cộng đồng được thực hiện tốt.

Doanh thu đạt 172,27 tỷ đồng, tăng 7,67% so với kế hoạch năm 2023 ĐHĐCĐ giao và bằng 102,34% so với thực hiện năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế đạt 18,59 tỷ đồng, tăng 23,93% so với kế hoạch năm 2023 ĐHĐCĐ giao và bằng 100,60% so với thực hiện năm 2022.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2023, Công ty tiếp tục giữ vững được quá trình tăng trưởng và phát triển.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 255.476.561.602 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 77.129.462.994 đồng và tài sản dài hạn là 178.347.098.608 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 267.426.930.007 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 59.473.566.277 đồng và tài sản dài hạn là 207.953.363.730 đồng.

Không có nợ phải thu xấu. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 15.592.401.384 đồng, cuối kỳ là: 24.791.591.133 đồng. Trong đó, khoản vay dài hạn đầu kỳ là: 0 đồng, cuối kỳ là: 0 đồng. Dự phòng phải trả khoản chi phí hoàn nguyên mặt bằng: 654.761.942 đồng.

– Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành.

Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của CBCNV, tăng năng suất lao động. Tổ chức thi thợ giỏi, khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng phần mềm "E-Depot".

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định.

Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường "giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới" thông qua việc cùng khách hàng cung cấp các giải pháp "Gói dịch vụ" song song với việc cung cấp thêm "Dịch vụ giá trị gia tăng".

Kết nối với các đơn vị trong cùng Tập đoàn sâu rộng hơn nữa và không chỉ giới hạn trong phạm vi Công ty.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trườn nhằm tăng năng xuất, chất lượng dịch vụ hơn nữa.

Rà soát nhân sự, tiền lương, quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất.

Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí; triệt để tiết kiệm; đảm bảo kinh doanh có hiệu quả; tỷ lệ cổ tức đạt từ 10% và có tích luỹ để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...). Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển bền vững Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lượng được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định. Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- *Tình hình kinh tế thế giới*: Trong báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới tháng 10/2023, IMF giữ nguyên dự báo tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) thực toàn cầu năm 2023 ở mức 3%, nhưng hạ 0,1 điểm phần trăm dự báo về năm 2024 so với mức đưa ra hồi tháng 7 còn 2,9%. Như vậy, nền kinh tế toàn cầu sẽ giảm tốc trong cả năm 2023 và năm 2024 so với mức tăng 3,5% đã đạt được trong năm 2022. IMF nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ, đồng thời hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc và khu vực eurozone, cho rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu nói chung vẫn ở mức thấp và không đồng đều. Định chế này cũng cho rằng triển vọng kinh tế toàn cầu trong trung hạn sẽ không có nhiều cải thiện so với hiện nay.

Tại một cuộc họp báo diễn ra ở Marrakech, Morocco - nơi IMF và Ngân hàng Thế giới (WB) đang tổ chức chuỗi sự kiện thường niên với sự tham gia của giới chức tài chính đến từ 190 quốc gia và vùng lãnh thổ - nhà kinh tế trưởng Pierre-Olivier Gourinchas của IMF nói rằng nền kinh tế toàn cầu vẫn đang phục hồi từ đại dịch Covid-19, cuộc chiến tranh Nga-Ukraine và cuộc khủng hoảng năng lượng năm 2022, nhưng các xu hướng tăng trưởng ngày càng khác biệt, và triển vọng tăng trưởng trong trung hạn chỉ ở "hạng xoàng".

Lạm phát đang tiếp tục giảm trên toàn cầu, chủ yếu do giá năng lượng giảm và một phần do giá lương thực-thực phẩm xuống thang. Theo dự báo của IMF, lạm phát bình quân toàn cầu năm 2023 sẽ là 6,9%, giảm từ mức 8,7% trong năm 2022, và tiếp tục giảm còn 5,8% trong năm 2024.

- *Việt Nam:* Theo báo cáo triển vọng phát triển châu Á (ADO) của Ngân hàng Phát triển Châu A (ADB), Dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 đã giảm xuống còn 5,2% so với dự báo trước đó là 5,8%, trong khi tăng trưởng trong năm 2024 được dự báo duy trì ở mức 6,0%. Sự phục hồi yếu hơn dự kiến của nhu cầu bên ngoài tiếp tục cản trở tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, làm chậm quá trình phục hồi của việc làm và tiêu dùng trong nước.

Chính sách tiền tệ thận trọng và chủ động, được hỗ trợ bởi việc kiểm soát hiệu quả giá xăng, điện, thực phẩm, chăm sóc sức khỏe và giáo dục, sẽ giúp kiểm soát lạm

phát. Dự báo lạm phát tại Việt Nam được duy trì ở mức 3,8% cho năm 2023 và 4,0% cho năm 2024.

Rủi ro đối với triển vọng này bao gồm lãi suất tăng cao liên tục ở Hoa Kỳ và các nền kinh tế phát triển khác, có thể góp phần gây bất ổn tài chính tại các nền kinh tế dễ bị tổn thương trong khu vực, đặc biệt là những nước có nợ cao. Khả năng gián đoạn nguồn cung do hiện tượng thời tiết El Niño hoặc cuộc xung đột giữa Nga và U-crai-na cũng có thể kích hoạt lạm phát, đặc biệt liên quan đến lương thực và năng lượng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn vị cùng ngành nghề, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh rất đáng tự hào, Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty phát triển mảng hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác bãi cốt lõi, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu trên trị trường trong nước và quốc tế.

Lựa chọn các hạng mục, dự án đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các cty khác
1	Cáp Trọng Cường	Chủ tịch	0,1%	Thành viên HĐQT	2
2	Nguyễn Thế Trọng	Thành viên	0	Thành viên HĐQT	1
3	Đồng Trung Hải	Thành viên	0,1%	Thành viên HĐQT	0
4	Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên	0	Thành viên HĐQT	0

5	Trần Thị Phương Anh	Thành viên	0	Thành viên HĐQT	2

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Bà Phạm Thị Thúy Nga là thư ký HĐQT kiêm người phụ trách quản trị Công ty, thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp định kỳ, bất thường để tổng kết đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh; chỉ đạo, định hướng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn kế tiếp.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tình hình kinh tế thế giới năm 2023 vẫn tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, ngành vận tải biển vẫn gặp nhiều khó khăn,, áp lực cạnh tranh giữa các cảng, kho bãi, vận tải ngày càng gay gắt, quyết liệt. Đánh giá đúng tình hình, HĐQT cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty đã đoàn kết, tập trung trí tuệ, đề ra những chủ trương chính sách sát với thực tiễn, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023.

HĐQT Công ty tổ chức nhiều cuộc họp thường kỳ trực tiếp hoặc bằng hình thức qua thư điện tử để đề ra các các quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tuân thủ định hướng của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Năm 2023 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	02/02/2023	Thống nhất thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh, cụ thể như sau: - Tỷ lệ thực hiện: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết - Thời gian tổ chức: Dự kiến tháng 04/2023 - Địa điểm tổ chức Đại hội: Sẽ thông báo sau - Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp: 03/03/2023 - Nội dung họp: • Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022. • Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022. • Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. • Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022. • Các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ thường

			niên
2	02/2023/NQ-HĐQT	15/02/2023	1/ Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh đối với bà Nguyễn Thị Minh Lan. 2/ Bổ nhiệm bà Vũ Trà My – Sinh ngày 05/12/1983, cử nhân Quản trị tài chính Kế toán – giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh. 3/ Bà Nguyễn Thị Minh Lan có trách nhiệm bàn giao toàn bộ công việc, các văn bản, tài liệu, giấy tờ pháp lý liên quan cho bà Vũ Trà My tiếp quản theo đúng quy định hiện hành
3	03/2023/NQ-HĐQT	13/03/2023	Thống nhất thông qua việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với các nội dung như sau: 1. Địa điểm và thời gian: - Địa điểm: Hội trường tầng 3 - Tòa nhà văn phòng - Lô CC2 - khu công nghiệp MP Đình Vũ, P. Đông hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng. - Thời gian: 08h30', ngày 07 tháng 04 năm 2023 2. Thông qua các báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023. 3. Thông qua các Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
4	04/2023/NQ-HĐQT	27/03/2023	1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, triển khai các biện pháp chiến lược thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023 toàn Công ty. 2/ Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
5	05/2023/NQ-HĐQT	12/04/2023	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền cho các cổ đông, cụ thể như sau: - Tỷ lệ thực hiện: 10% mệnh giá cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1000 đồng).

			- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức: 28/04/2023. - Ngày thanh toán: 15/05/2023.
6	06/2023/NQ-HĐQT	26/06/2023	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh.
7	07/2023/NQ-HĐQT	14/08/2023	Thống nhất thông qua việc nhận chuyển nhượng 12,92% cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ từ cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ để phục vụ việc mở rộng kinh doanh như sau: - Bên chuyển nhượng: Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh, là cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ. - Đối tượng chuyển nhượng: cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, mã số thuế: 0201973263. - Số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng: 6.045.000 cổ phần, tương đương với 12,92% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ. - Giá trị chuyển nhượng: **50.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*)
8	08/2023/NQ-HĐQT	21/08/2023	Thống nhất thông qua việc sử dụng tài sản sau để thế chấp đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty cổ phần Container Việt Nam tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt (BAOVIET Bank): 6.045.000 Cổ phần Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, mã số thuế: 0201973263.
9	09/2023/NQ-HĐQT	12/09/2023	Thống nhất thông qua việc nhận chuyển nhượng 9,51% cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ từ cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ để phục vụ việc mở rộng kinh doanh như sau: - Bên chuyển nhượng: Công ty TNHH MTV Trung tâm

<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>Logistics Xanh, là cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ.
- Đối tượng chuyển nhượng: cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, mã số thuế: 0201973263.
- Số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng: 4.449.863 cổ phần, tương đương với 9,51% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ.
- Giá trị chuyển nhượng: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)
Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và điều chỉnh một phần Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐQT ngày 14/8/2023</td></tr>
<tr><td>10</td><td>10/2023/NQ-HĐQT</td><td>20/09/2023</td><td>Thống nhất thông qua việc sử dụng tài sản sau để thế chấp đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty cổ phần Container Việt Nam tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt (BAOVIET Bank): 4.449.863 cổ phần Công ty cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, mã số thuế: 0201973263.
Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và điều chỉnh một phần Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 21/8/2023</td></tr>
<tr><td>11</td><td>11/2023/NQ-HĐQT</td><td>23/10/2023</td><td>Thông qua phương án sử dụng tiền nhàn rỗi của Công ty để cho vay vốn với các nội dung chính như sau:
1. Thông tin tổ chức vay vốn:
<table><tr><td>Công ty</td><td>:</td><td>CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẠN QUẢNG BÌNH – ĐÌNH VŨ</td></tr><tr><td>Trụ sở</td><td>:</td><td>Lô CN4.4F + Lô CN4.4G + Lô CN4.4H, khu công nghiệp Đình Vũ (thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam</td></tr><tr><td>GCNĐKDN</td><td>:</td><td>0201973263 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2</td></tr></table></td></tr>
</table>

			<table><tr><td></td><td></td><td>ngày 07/02/2023</td></tr><tr><td>Đại diện</td><td>:</td><td>Ông Đồng Trung Hải Chức vụ: Giám đốc</td></tr></table> 2. Hạn mức cho vay: **10.000.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Mười tỷ Việt Nam Đồng)* 3. Thời hạn vay: 12 tháng, tự động gia hạn với kỳ hạn tương ứng nếu các bên không có thoả thuận khác 4. Lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ áp dụng cho Khách Hàng Doanh Nghiệp của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt công bố tại thời điểm ký/gia hạn Hợp đồng vay + biên độ 2%/năm, lãi suất này được áp dụng trong suốt thời hạn vay.
12	12/2023/NQ-HĐQT	25/12/2023	Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2024. 1.1. Đối tượng ký kết và thực hiện hợp đồng: Các công ty trong khối nhóm Viconship và các bên có liên quan khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán theo danh sách Người liên quan của Công ty từng thời điểm. 1.2. Giá trị hợp đồng, giao dịch: có giá trị dưới 20% hoặc dưới 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tùy từng trường hợp cụ thể tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch đó. Tổng giá trị các giao dịch phát sinh với một trong các đối tượng trên trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT đều tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. *Ban Kiểm soát*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban	0
Bà Phạm thị Thuý Ngọc	Thành viên	0
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Ban Kiểm soát Công ty họp 2 lần trong năm với các nội dung chính:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.
- Thực hiện việc giám sát các hoạt động quản lý điều hành Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.
- Tham dự một số phiên họp của HĐQT, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.
- Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

Trong năm 2023 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2023, thành viên HĐQT và BKS Công ty không nhận tiền thù lao.

Tiền thưởng HĐQT, BKS năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua, đã chi trong năm 2023 là: 160.000.000 đồng.

Tiền lương, thưởng Ban giám đốc đã chi trong năm 2023 là: 938.871.926 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành. Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 2 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng

bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Trương Minh Hòa
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5067-2024-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3541
Hà Nội, ngày 20 tháng 2 năm 2024

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**59.473.566.277**	**77.129.462.994**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**43.520.227.724**	**29.639.378.630**
111	Tiền		8.020.227.724	6.639.378.630
112	Các khoản tương đương tiền		35.500.000.000	23.000.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**12.596.726.345**	**42.611.001.232**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.140.464.476	1.220.042.832
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.067.500.000	1.250.117.720
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	10.000.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	388.761.869	40.140.840.680
140	**Hàng tồn kho**	7	**3.095.444.230**	**3.206.657.200**
141	Hàng tồn kho		3.095.444.230	3.206.657.200
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**261.167.978**	**1.672.425.932**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	261.167.978	1.672.425.932
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**207.953.363.730**	**178.347.098.608**
220	**Tài sản cố định**		**43.799.300.690**	**61.054.089.659**
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	43.799.300.690	61.054.089.659
222	Nguyên giá		153.394.732.137	153.724.487.576
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(109.595.431.447)	(92.670.397.917)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	-	-
228	Nguyên giá		1.121.382.459	1.121.382.459
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.121.382.459)	(1.121.382.459)
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**49.536.637.974**	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10	50.000.000.000	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10	(463.362.026)	-
260	**Tài sản dài hạn khác**		**114.617.425.066**	**117.293.008.949**
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	114.617.425.066	117.293.008.949
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**267.426.930.007**	**255.476.561.602**

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**24.791.591.133**	**15.592.401.384**
310	**Nợ ngắn hạn**		**24.136.829.191**	**15.592.401.384**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	5.553.347.453	4.383.965.986
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		72.243.905	90.460.800
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	12	1.444.231.875	1.440.004.264
314	Phải trả người lao động	13	9.091.253.933	5.093.237.529
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	6.898.093.579	3.624.338.927
319	Phải trả ngắn hạn khác		851.984.446	352.519.878
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	225.674.000	607.874.000
330	**Nợ dài hạn**		**654.761.942**	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn	16	654.761.942	-
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**242.635.338.874**	**239.884.160.218**
410	Vốn chủ sở hữu		242.635.338.874	239.884.160.218
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	121.200.000.000	121.200.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*121.200.000.000*	*121.200.000.000*
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	104.804.160.218	102.035.769.380
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	16.631.178.656	16.648.390.838
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*16.631.178.656*	*16.648.390.838*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**267.426.930.007**	**255.476.561.602**

Nguyễn Thị Thu Hằng Người lập	Vũ Trà My Kế toán trưởng	Đồng Trung Hải Giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật Ngày 20 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
01	**Doanh thu cung cấp dịch vụ**		**172.273.666.111**	**168.327.880.456**
10	**Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ**	20	**172.273.666.111**	**168.327.880.456**
11	**Giá vốn cung cấp dịch vụ**	21	**(102.670.925.633)**	**(107.259.796.519)**
20	**Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ**		**69.602.740.478**	**61.068.083.937**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.243.669.119	1.288.230.046
22	Chi phí tài chính		(511.665.116)	-
25	Chi phí bán hàng	23	(45.933.206.704)	(38.940.253.416)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(6.747.737.743)	(5.233.607.179)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**18.653.800.034**	**18.182.453.388**
31	Thu nhập khác		158.701.711	2.257.185.619
32	Chi phí khác		(219.818.947)	(1.958.805.759)
40	**(Lỗ)/lợi nhuận khác**	25	**(61.117.236)**	**298.379.860**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**18.592.682.798**	**18.480.833.248**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	26	**(1.961.504.142)**	**(1.832.442.410)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	26	-	-
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**16.631.178.656**	**16.648.390.838**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	19(a)	**1.372**	**1.242**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	19(b)	**1.372**	**1.242**

Nguyễn Thị Thu Hằng Người lập	Vũ Trà My Kế toán trưởng	Đồng Trung Hải Giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật Ngày 20 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANI			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**18.592.682.798**	**18.480.833.248**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		17.254.788.969	21.537.474.158
03	Các khoản dự phòng		1.118.123.968	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.243.669.119)	(1.063.765.482)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**34.721.926.616**	**38.954.541.924**
09	Giảm các khoản phải thu		133.637.901	1.666.680.574
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		111.212.970	(3.057.640.200)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		8.718.378.844	(1.067.386.365)
12	Giảm chi phí trả trước		4.086.841.837	2.088.345.089
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.912.805.179)	(1.586.727.118)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.982.200.000)	(2.587.800.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**43.876.992.989**	**34.410.013.904**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(56.000.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		-	6.759.090.000
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(50.000.000.000)	(40.000.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.000.000.000	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.124.306.105	1.288.230.046
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(17.875.693.895)**	**(32.008.679.954)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu		(12.120.450.000)	(5.960.630.000)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(12.120.450.000)**	**(5.960.630.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**13.880.849.094**	**(3.559.296.050)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	3	**29.639.378.630**	**33.198.674.680**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	3	**43.520.227.724**	**29.639.378.630**

Nguyễn Thị Thu Hằng Người lập	Vũ Trà My Kế toán trưởng	Đồng Trung Hải Giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật Ngày 20 tháng 2 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017. Thay đổi gần nhất (lần thứ 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư Số 8585663882 đề ngày 18 tháng 2 năm 2022 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 35 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là GIC.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 127 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 139 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi theo quy định của doanh nghiệp và các quy định hiện hành sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(b) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.10 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán và được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi cho nhân viên Công ty.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính và chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNĐN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng các phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10); và
- Chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 2.23).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2023 VND	2022 VND
Tiền mặt	683.824.217	37.065.120
Tiền gửi ngân hàng	7.336.403.507	6.602.313.510
Các khoản tương đương tiền (*)	35.500.000.000	23.000.000.000
	43.520.227.724	29.639.378.630

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất 3,25% - 4,3%/năm (2022: 6%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba	732.946.258	909.054.663
Trong đó:		
- Công ty cổ phần Logistics SK toàn cầu	*157.356.000*	*18.837.360*
- Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải (Việt Nam)	*130.626.000*	*73.413.000*
- Khác	*444.964.258*	*816.804.303*
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	407.518.218	310.988.169
	1.140.464.476	1.220.042.832

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	10.000.000.000	-

Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT/GIC-VGI đề ngày 24 tháng 10 năm 2023 với Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (bên liên quan). Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt + biên độ 2%/năm. Lãi vay được thanh toán hàng tháng và gốc vay được trả một lần vào ngày đáo hạn.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Tạm ứng cho nhân viên	82.125.200	140.840.680
Ứng trước tiền mua cổ phần (*)	-	40.000.000.000
Khác	306.636.669	-
	388.761.869	40.140.840.680

(*) Đây là khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để Công ty mua cổ phần của một công ty mục tiêu theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT đề ngày 31 tháng 10 năm 2022. Trong năm 2023, Công ty đã quyết định không mua cổ phần của công ty mục tiêu và thu hồi lại toàn bộ số tiền ứng trước này.

7 HÀNG TỒN KHO

	2023 VND	2022 VND
Công cụ, dụng cụ	188.827.000	188.827.000
Phụ tùng	2.906.617.230	3.017.830.200
	3.095.444.230	3.206.657.200

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí sửa chữa bãi container	-	1.061.280.000
Chi phí bảo hiểm	261.167.978	247.619.994
Khác	-	363.525.938
	261.167.978	1.672.425.932

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuê đất (*)	113.730.667.550	117.125.612.850
Công cụ, dụng cụ	313.990.822	167.396.099
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng (Thuyết minh 16)	572.766.694	-
	114.617.425.066	117.293.008.949

(*) Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương, Đình Vũ đã trả cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	117.293.008.949	120.739.479.346
Tăng	946.127.875	166.863.636
Phân bổ trong năm	(3.621.711.758)	(3.613.334.033)
Số dư cuối năm	114.617.425.066	117.293.008.949

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	83.050.294.941	3.309.854.669	66.112.980.996	1.251.356.970	153.724.487.576
Thanh lý, nhượng bán	-	(208.968.000)	-	(120.787.439)	(329.755.439)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	83.050.294.941	3.100.886.669	66.112.980.996	1.130.569.531	153.394.732.137
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(49.589.127.536)	(3.117.424.530)	(38.764.775.618)	(1.199.070.233)	(92.670.397.917)
Khấu hao trong năm	(7.689.809.995)	(150.189.989)	(9.396.122.313)	(18.666.672)	(17.254.788.969)
Thanh lý, nhượng bán	-	208.968.000	-	120.787.439	329.755.439
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(57.278.937.531)	(3.058.646.519)	(48.160.897.931)	(1.096.949.466)	(109.595.431.447)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	33.461.167.405	192.430.139	27.348.205.378	52.286.737	61.054.089.659
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	25.771.357.410	42.240.150	17.952.083.065	33.620.065	43.799.300.690

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 24.693.794.476 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.982.778.434 Đồng).

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.121.382.459
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.121.382.459
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(1.121.382.459)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.121.382.459)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.121.382.459 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.121.382.459 Đồng).

10 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	2023			2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	50.000.000.000	(*)	(463.362.026)	-	-	-

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2023/HĐCN-GLC-GIC đề ngày 20 tháng 9 năm 2023 ký với Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (bên liên quan) và Giấy Chứng nhận cổ phần số 09/QBĐV/2023 đề ngày 20 tháng 9 năm 2023, Công ty đã nhận chuyển nhượng 9,51% tỷ lệ cổ phần tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Thuyết minh 29(a)). Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2023/NQ-HĐQT đề ngày 20 tháng 9 năm 2023, toàn bộ số cổ phần này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (công ty mẹ) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	3.687.557.054	3.687.557.054	2.870.971.600	2.870.971.600
Trong đó				
- Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	*548.331.700*	*548.331.700*	*969.449.800*	*969.449.800*
- Chi nhánh Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam tại Hải Phòng	*718.264.800*	*718.264.800*	-	*718.264.800*
- Khác	*2.420.960.554*	*2.420.960.554*	*1.901.521.800*	*1.901.521.800*
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	1.865.790.399	1.865.790.399	1.512.994.386	1.512.994.386
	5.553.347.453	5.553.347.453	4.383.965.986	4.383.965.986

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà Nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cấn trừ VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
a) Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	-	6.803.113.074	-	(6.803.113.074)	-
b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	675.677.854	15.488.354.070	(8.660.569.863)	(6.803.113.074)	700.348.987
Thuế TNDN	501.482.309	1.961.504.142	(1.912.805.179)	-	550.181.272
Thuế thu nhập cá nhân	262.844.101	536.914.631	(606.057.116)	-	193.701.616
	1.440.004.264	17.986.772.843	(11.179.432.158)	(6.803.113.074)	1.444.231.875

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương	1.227.667.791	1.240.887.488
Chi phí thưởng	7.863.586.142	3.852.350.041
	9.091.253.933	5.093.237.529

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Chi phí hoa hồng	5.510.300.110	3.472.284.036
Khác	1.387.793.469	152.054.891
	6.898.093.579	3.624.338.927

15 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	607.874.000	1.195.674.000
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 18)	1.600.000.000	2.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(1.982.200.000)	(2.587.800.000)
Số dư cuối năm	225.674.000	607.874.000

16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	2023 VND	2022 VND
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng	654.761.942	-

Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc khôi phục bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2023	2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.120.000	12.120.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,40	8.040.000	66,40
Cổ đông khác	4.080.000	33,60	4.080.000	33,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.120.000	100	12.120.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.120.000	121.200.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	121.200.000.000	91.926.164.365	18.414.605.015	231.540.769.380
Chia cổ tức	-	-	(6.060.000.000)	(6.060.000.000)
Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(245.000.000)	(245.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	10.109.605.015	(10.109.605.015)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.648.390.838	16.648.390.838
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	121.200.000.000	102.035.769.380	16.648.390.838	239.884.160.218
Chia cổ tức (*)	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15) (*)	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	2.768.390.838	(2.768.390.838)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.631.178.656	16.631.178.656
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	121.200.000.000	104.804.160.218	16.631.178.656	242.635.338.874

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 7 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối 12.120.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối để trả cổ tức cho các cổ đông, đồng thời trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.600.000.000 Đồng (Thuyết minh 15); trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 160.000.000 Đồng và trích 2.768.390.838 Đồng vào quỹ đầu tư phát triển.

19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2023	2022 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	16.631.178.656	16.648.390.838
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(1.600.000.000)
	16.631.178.656	15.048.390.838
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	12.120.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.372	1.242

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức trong năm 2024 và có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được tính lại dựa theo số thực tế trích quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	16.648.390.838	-	16.648.390.838
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	16.648.390.838	(1.600.000.000)	15.048.390.838
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	-	12.120.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.374	(132)	1.242

19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

20 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu xếp dỡ, nâng hạ container	155.054.270.190	146.509.862.822
Doanh thu sửa chữa container	11.110.258.127	12.025.763.072
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	6.109.137.794	9.792.254.562
	172.273.666.111	168.327.880.456

21 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	102.670.925.633	107.259.796.519

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	2.243.669.119	1.288.230.046

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí liên quan đến hãng tàu	20.362.969.000	18.185.600.300
Chi phí hoa hồng - bên thứ ba	5.384.398.070	-
Chi phí hoa hồng - bên liên quan (Thuyết minh 29(a)) (*)	18.796.529.000	19.173.833.500
Khác	1.389.310.634	1.580.819.616
	45.933.206.704	38.940.253.416

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG (TIẾP THEO)

(*) Theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 01/2023/VGR-GIC đề ngày 1 tháng 1 năm 2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (bên liên quan), Công ty chi trả chi phí hoa hồng cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP khi Công ty thực hiện và thu được doanh thu từ dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container của các hãng tàu là đối tác của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP. Chi phí hoa hồng được tính theo số lượng container được xếp dỡ, nâng hạ và đơn giá được quy định cụ thể trong Hợp đồng.

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	4.648.418.331	3.943.288.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.753.323.803	864.296.731
Chi phí khác	345.995.609	426.022.144
	6.747.737.743	5.233.607.179

25 CHI PHÍ KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.054.080.323
Khác	158.701.711	203.105.296
	158.701.711	2.257.185.619
Chi phí khác		
Lỗ do xoá sổ TSCĐ	-	1.958.805.759
Khác	219.818.947	-
	219.818.947	1.958.805.759

26 THUẾ TNDN

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2017 - 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% áp dụng trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên có doanh thu (2017 - 2031).

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 10% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.592.682.798	18.480.833.248
Thuế tính ở thuế suất 10%	1.859.268.280	1.848.083.325
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.053.781.943	1.818.560.030
Thuế được giảm	(1.956.525.112)	(1.834.200.945)
Dự phòng thiếu của các năm trước	4.979.031	-
Chi phí thuế TNDN (*)	1.961.504.142	1.832.442.410
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.961.504.142	1.832.442.410
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	1.961.504.142	1.832.442.410

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

27 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.252.215.503	31.131.288.683
Chi phí nhân viên	37.062.447.961	34.751.233.297
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.254.788.969	21.537.474.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.990.531.334	24.081.498.738
Chi phí hoa hồng	44.543.896.070	37.359.433.800
Chi phí khác	2.247.990.243	2.572.728.438
	155.351.870.080	151.433.657.114

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh dịch vụ chính là xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác phát sinh lần lượt là 6,1 tỷ Đồng và 2,4 tỷ Đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ cũng như giá vốn dịch vụ cung cấp. Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên chủ yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Viconship Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Bên nhận đầu tư và công ty cùng tập đoàn

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

		2023 VND	2022 VND
i)	***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***		
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	1.835.874.471
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	18.569.705.140	23.067.409.623
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	1.932.578.490	2.987.841.928
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	1.118.813.962	2.043.340.500
	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	355.930.000	111.747
	Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	703.440.000	171.831.750
		22.680.467.592	30.106.410.019
ii)	***Mua hàng hóa***		
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	6.310.632.003	19.912.575.456
iii)	***Mua dịch vụ***		
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.932.000.000	1.116.000.000
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	6.549.218	126.677.584
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	7.741.349.000	4.140.231.300
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	164.376.633
	Công ty cổ phần Container Miền Trung	551.160.775	382.013.536
		10.231.058.993	5.929.299.053
iv)	***Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 23)***		
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	18.796.529.000	19.173.833.500
v)	***Các khoản thu hộ, trả hộ bên liên quan***		
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	84.000.000	81.500.000
vi)	***Thanh lý TSCĐ***		
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	6.600.000.000
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	29.900.000

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
vii) Hoạt động đầu tư		
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ		
- Gốc cho vay (Thuyết minh 5)	10.000.000.000	-
- Lãi cho vay	140.835.617	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh		
- Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Thuyết minh 10)	50.000.000.000	-
viii) Chi trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000.000	4.020.000.000

ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

		2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Cáp Trọng Cường	Chủ tịch	20.000.000	-
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên	20.000.000	45.000.000
Ông Đồng Trung Hải	Thành viên	938.871.926	949.246.319
Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên	20.000.000	25.000.000
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên	20.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14/3/2022)	-	25.000.000
Ông Dương Tiến Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20/9/2022)	15.000.000	45.000.000
Ban Kiểm soát			
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban	15.000.000	15.000.000
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên	10.000.000	15.000.000
Bà Phạm Thị Thúy Ngọc	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/3/2022)	10.000.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14/3/2022)	-	15.000.000
Ban Giám đốc			
Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	Như trên	Như trên
Kế toán trưởng			
Bà Vũ Trà My	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 15/2/2023)	473.118.649	-
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 15/2/2023)	205.764.638	614.728.844

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

		2023 VND	2022 VND
i)	***Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)***		
	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	209.219.418	125.409.879
	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	3.726.000	-
	Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	194.572.800	185.578.290
		407.518.218	310.988.169
ii)	***Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)***		
	Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	10.000.000.000	-
iii)	***Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)***		
	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	863.690.679	859.549.116
	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	174.580.000	373.129.390
	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	807.309.720	265.205.880
	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	20.210.000	15.110.000
		1.865.790.399	1.512.994.386

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 2 năm 2024.

Nguyễn Thị Thu Hằng	Vũ Trà My	Đồng Trung Hải
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

* Báo cáo tài chính Công ty năm 2023 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ: www.greenicd.com.vn.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Đồng Trung Hải